|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 07 /2020/QĐ-UBND | *Gia Lai, ngày 14 tháng 01 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy địnhtiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị**

**thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ*[*Luật Quản lý, sử dụng tài sản công*](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/luat-quan-ly-su-dung-tai-san-cong-2017-115523-d1.html)*năm 2017;*

 *Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 05/TTr-STC ngày 07 tháng 01 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

 **Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng củacơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai gồm:

a) Quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung.

b) Quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Quyết định này không quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 Điều 17Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (sau đây viết là Nghị định số 04/2019/NĐ-CP) và xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại khoản 7 Điều 17Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

 **Điều 2.Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị),

2. Doanh nghiệp do Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước) thuộc tỉnh Gia Lai quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II**

 **SỬ DỤNG, QUẢN LÝ XE Ô TÔ**

**PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG**

**Điều 3. Bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnhđược bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị (ngoài tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP), như sau:

Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại thuộc Tỉnh ủy;Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;Các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thuộc cấp tỉnh có chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tôđược trang bị thêm 01 xe ô tô/cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy Pleiku được trang bị thêm 01 xe/ đơn vị để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô (ngoài tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP).

**Điều 4. Quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung**

1. Quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh:

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng theo đúng quy định pháp luật.

2.Quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan cấp huyện:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

**Chương III**

**XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG**

 **Điều 5**. **Nguyên tắc trang bị, sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mứcquy định tại Quyết định này để bố trí xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác.

 2. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô chuyên dùng không đúng mục đích, sử dụng vào việc riêng, bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, thế chấp, cầm cố hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 **Điều 6**. **Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị**

 Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Phụ lục Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định này.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 **Điều 7**. **Quản lý, sử dụng xe ô tô**

 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP và Quyết định này thực hiện việc quản lý xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo tiêu chuẩn, định mức; tổ chức hạch toán riêng và công khai chi phí sử dụng xe ô tô theo quy định pháp luật.

2. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô tô phục vụ các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng về Sở Tài chính để cập nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo thời hạn quy định tại Điều 125, Điều 126, Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 8**. **Điều khoản thi hành**

 Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 01 năm 2020.

 **Điều 9**. **Trách nhiệm thi hành**

1. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh;người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Pleiku và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

 2. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định này hoặc có kiến nghị, đề xuất,các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**Võ Ngọc Thành**

**Phụ lục**

**Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai**

 *(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2020 /QĐ- UBND ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**1. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác vệ sinh môi trường:**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | - Đơn vị phục vụ công tác vệ sinh môi trường thuộc thị xã Ayun Pa- Đơn vị phục vụ công tác vệ sinh môi trường thuộc thị xã An Khê- Đơn vị phục vụ công tác vệ sinh môi trường thuộc huyện Chư Sê | Xe ô tô ép và vận chuyển rác. | 4 xe/01 đơn vị | 2,5 tỷ đồng/01 xe |
| Xe ô tô cẩu đa năng | 01 xe/01 đơn vị | 2,5 tỷ đồng/01 xe |
| 2 |  Đơn vị phục vụ công tác vệ sinh môi trường thuộc các huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa, Kông Chro, Kbang, Đăk Pơ, Mang Yang, Đak Đoa | Xe ô tô ép và vận chuyển rác. | 02 xe/01 huyện | 2 tỷ đồng/01 xe |
| Xe ô tô cẩu đa năng | 01 xe/01 đơn vị | 2,5 tỷ đồng/01 xe |

**2. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Nông, Lâm nghiệp:**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Các Ban quản lý rừng phòng hộ Chư A Thai, Bắc Biển Hồ, A Yun Pa, Ia Grai, Bắc Ia Grai, Chư Sê, Nam Phú Nhơn, Mang Yang, Hà Ra, Đăk Đoa, Xã Nam, Bắc An Khê, Đông Bắc Chư Păh, Ia Puch, Ia Ly, Ia Meur, Ia Rsai, Đức Cơ, Chư Mố, Ya Hội, Nam Sông Ba.  | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành. | 1 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng /01 xe |
| 2 |  - Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng  - Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng. - Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh. | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành. | 1 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng /01 xe |
| 3 | - Chi cục Chăn nuôi và Thú Y, - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.- Chi cục Phát triển nông thôn- Chi cục Thủy lợi- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản- Trung tâm Khuyến nông- Trung tâm nghiên cứu Giống cây trồng | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành. | 1 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng/01 xe |
| 4 | - Trung tâm Giống vật nuôi | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành. | 01 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| Xe ô tô tải 2,5 tấn | 01 xe | 600 triệu đồng /01 xe |
| 5 | - Trung tâm Giống thủy sản. | Xe ô tô bán tải | 01 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| Xe tải đông lạnh | 01 xe | 710 triệu đồng /01 xe |
| 6 | Chi Cục Kiểm lâm tỉnh | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành. | 10 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| 7 |  Các Hạt Kiểm lâm thị xã Ayun Pa, An Khê và các huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa, Kông Chro, Kbang, Đak Pơ, Mang Yang, Đak Đoa. | Xe ô tô bán tải và xe ô tô phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, chống lâm tặc | 02 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng /01 xe |
| 8 |  Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng số 1, số 2, số 3. | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, chống lâm tặc | 02 xe/01 đội | 800 triệu đồng /01 xe |

**3. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác Phát thanh truyền hình**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Gia Lai | Xe ô tô phát thanh truyền hình lưu động | 01 xe | 2,5 tỷ đồng /01 xe |
| Xe ô tô phục vụ phát thanh truyền hình lưu động (xe trên 16 chỗ) | 01 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |
| - Xe ô tô bán tải phục vụ truyền hình tiếng dân tôc | 01 xe  | 1,5 tỷ đồng /01 xe |
| - Xe ô tô bán tải phục vụ chở thiết bị truyền hình | 01 xe  | 800 triệu đồng/01 xe |
| Xe ô tô chuyên dùng thực hiện sản xuất chương trình truyền hình lưu động | 01 xe | 2,5 tỷ đồng/01 xe |

**4. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ ngành Giao thông vận tải**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 |  Thanh tra giao thông (Sở Giao thông vận tải) | - Xe ô tô bán tải chuyên dùng phục vụ công tác thanh tra giao thông | 4 xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| - Xe ô tô chở thiết bị cân tải trọng di động | 01 xe | 1,4 tỷ đồng/01xe |
|  - Xe ô tô bán tải chuyên dùng, gắn thùng lửng, bửng nâng phục vụ công tác kiểm tra bảo đảm trật tự an toàn giao thông | 01 xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| Xe ô tô cứu hộ giao thông | 01 xe | 3 tỷ đồng/01xe |

**5. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể thao | - Xe ô tô phục vụ chở vận động viên thể thao (28 chỗ ) | 1 xe | 2 tỷ đồng/01 xe |
| 2 | Nhà hát Ca múa nhạc tổng hợp Đam San | Xe ô tô sân khấu, thông tin lưu động ( 3,5 tấn) | 1 xe | 500 triệu đồng/01 xe |
| Xe ô tô sân khấu lưu động, chở đạo cụ lưu động (8 tấn ) | 1 xe | 2,1 tỷ đồng /01 xe |
| Xe ô tô chiếu phim lưu động | 02 xe | 850 triệu đồng/01 xe |
| Xe ô tô chở nghệ sỹ, diễn viên phục vụ biểu diễn (47 chỗ) | 1 xe | 2,5 tỷ đồng/01 xe |
| 3 | Thư viện tỉnh. | Xe thư viện lưu động  | 01 xe | 1,5 tỷ đồng /01 xe |
| 4 | Bảo tàng tỉnh Gia Lai | Xe ô tô bán tải phục vụ công tác khảo cổ và vận chuyển hiện vật | 01 xe  | 800 triệu đồng/01 xe |
| 5 | Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao hoặc đơn vị phục vụ Văn hóa Thông tin thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, An Khê và các huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa, Kông Chro, Kbang, Đak Pơ, Mang Yang, Đak Đoa. | Xe ô tô bán tải hoặc phục vụ chuyên ngành | 01 xe/ huyện, thị xã, thành phố | 800 triệu đồng /01 xe |

**6. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị:**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Đơn vị thực hiện công tác kiểm tra qui tắc đô thị thuộc thành phố Pleiku | - Xe ô tô bán tải, xe tải phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị, trật tự đô thị  | 01 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng/01 xe |
| 2 | UBND Phường thuộc thành phố Pleiku | - Xe ô tô tải phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị, trật tự đô thị | 01 xe/01 phường, xã | 400 triệu đồng/01 xe |
| 3 | Đơn vị thực hiện công tác kiểm tra qui tắc đô thị thuộc các thị xã Ayun Pa, An Khê  | - Xe ô tô tải phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị, trật tự đô thị | 4 xe/ thị xã | 400 triệu đồng/01 xe |
| 4 | Đơn vị thực hiện công tác kiểm tra qui tắc đô thị thuộc huyện Chư Sê  | - Xe ô tô tải phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị, trật tự đô thị | 4 xe | 400 triệu đồng/01 xe |
| 5 | Đơn vị thực hiện công tác kiểm tra qui tắc đô thị thuộc các huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa, Kông Chro, Kbang, Đak Pơ, Mang Yang, Đak Đoa  | - Xe ô tô tải phục vụ công tác kiểm tra qui tắc đô thị, trật tự đô thị | 2 xe/01 huyện | 400 triệu đồng/01 xe |

**7. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác của Tỉnh Đoàn Gia Lai**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi tỉnh Gia Lai | Xe ô tô 29 chỗ chở diễn viên phục vụ đoàn thể, nhiệm vụ chính trị-xã hội | 01 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |

**8. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Xây dựng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm Quy hoạch xây dựng | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô chuyên ngành. | 1 xe | 800 triệu đồng /01 xe |

**9. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Thông tin và truyền thông**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô chuyên ngành. | 1 xe | 800 triệu đồng/01 xe |

**10. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trường trung cấp nghề Nam Gia Lai, Trường trung cấp nghề Đông Gia Lai, Trường cao đẳng nghề. | - Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chở thiết bị dạy nghề | 01xe/01 trường  | 800 triệu đồng /01 xe |
| 2 | Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ công tác chuyên ngành | 1 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| 3 | Trung tâm Dịch vụ việc làm | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ công tác chuyên ngành | 01 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| 4 | Cơ sở Tư vấn và cai nghiện ma túy | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ công tác chuyên ngành | 01 xe  | 800 triệu đồng /01 xe |

**11. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Tài nguyên và Môi trường**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường | - Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành | 01xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| 2 | Chi cục Bảo vệ môi trường | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ công tác chuyên ngành | 1 xe | 800 triệu đồng/01 xe |

**12. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Giáo dục và Đào tạo**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trường Cao đẳng sư phạm | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 01xe  | 2 tỷ đồng /01 xe |
| 2 | Trường phổ thông dân tộc nội trú | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |

**13. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác ngành Khoa học và Công nghệ**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ | - Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành | 01xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| 2 | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | - Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành | 1 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| 3 | Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | - Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành | 01 xe | 800 triệu đồng /01 xe |
| - Xe ô tô cẩu đa năng phục vụ cẩu chuẩn đo lường để thực hiện kiểm định tại cơ sở | 01 xe  | 2,5 tỷ đồng /01 xe |

**14. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác các đơn vị khác**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Văn phòng Tỉnh ủy | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 01xe | 2 tỷ đồng/01 xe |
| 2 | Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng/01 xe |
| 3 | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |
| 4 | Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |
| 5 | Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku | - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |
| 6 | Các đơn vị giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện: Chư Sê, Krông Pa, Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông, Mang Yang, KBang, | Xe ô tô bán tải hoặc xe ô tô phục vụ chuyên ngành | 01xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng/01 xe |
| 7 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Pleiku, thị xã Ayun Pa, An Khê và các huyện Chư Sê, Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa, Kông Chro, Kbang, Đăk Pơ, Mang Yang, Đak Đoa | Xe ô tô bán tải | 01xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng/01 xe |
| 8 | Ban Tôn giáo | Xe ô tô bán tải | 01xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| 9 | Công ty Phát triển hạ tầng khu Kinh tế (Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) | Xe ô tô bán tải | 01xe | 800 triệu đồng/01 xe |

**15. Xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác các doanh nghiệp nhà nước**

| **Số TT** | **Đối tượng sử dụng** | **Định mức** | **Mức giá tối đa** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủng loại xe** | **Số lượng** |
| 1 | Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KaNak, Sơ Pai, Hà Nừng, KrôngPa, Trạm Lập, Đăc Rong, Kông Chiêng, Kông Hde, Ia Pa, Kông Chro, Lơ Ku. | Xe ô tô bán tải | 01 xe/01 đơn vị | 800 triệu đồng/01 xe |
| 2 | Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi | Xe ô tô bán tải | 02 xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| 3 | Công ty TNHH Xổ số kiến thiết | Xe ô tô bán tải Van | 03 xe | 400 triệu đồng/01 xe |
| Xe ô tô bán tải | 05 xe | 800 triệu đồng/01 xe |
| - Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi | 1 xe | 2 tỷ đồng /01 xe |